

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là vùng trọng điểm số 1 của cả nước về sản xuất lúa, trái cây và nuôi trồng, đánh bắt thủy sản. Năm 2001, vùng ĐBSCL sản xuất gần 16 triệu tấn lúa, chiếm 50%, hơn 3 triệu trái cây, chiếm 60% và 1,2 triệu tấn hải sản, chiếm 51% của cả nước. Là vùng sản xuất nông sản hàng hóa lớn, trong những năm đổi mới, nhất là thời kỳ 1996 - 2001 ĐBSCL đã đóng góp 80% sản lượng lúa hàng hóa, 90% sản lượng gạo xuất khẩu, 70% sản lượng thủy sản xuất khẩu của cả nước, góp phần đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, nâng cao vị thế của nông sản, thủy sản VN trên thị trường thế giới. Không chỉ tăng số lượng, chất lượng nông sản, thủy sản hàng hóa này cũng ngày càng cao, đáp ứng được yêu cầu của thị trường trong nước và quốc tế.

Vị thế hàng đầu của vùng ĐBSCL về nông sản, thủy sản hàng hóa được khẳng định và ngày càng vững chắc. Song, cho đến nay ĐBSCL vẫn chưa thoát khỏi vùng kinh tế thuần nông.

cầu, nên vùng trọng điểm nông nghiệp ĐBSCL bị chao đảo. Trong nhiều năm liền, tỷ trọng GDP của vùng chỉ chiếm từ 22,5% đến 25% của cả nước. Thuần nông đi cùng với nghèo đã làm giảm vị thế kinh tế của ĐBSCL so với cả nước, nhất là so với vùng Đông Nam Bộ. Theo UNDP cho đến nay ĐBSCL vẫn là vùng nghèo với tỷ lệ hộ nghèo với tỷ lệ hộ nghèo là 37% (so với 8% của vùng Đông Nam Bộ) và tốc độ giảm nghèo rất chậm 1%/năm (so với 4,5% của vùng Đông Nam Bộ và 6% của đồng bằng sông Hồng). Nhiều chỉ tiêu kinh tế và đời sống của vùng ĐBSCL suốt trong những năm qua cũng chỉ đạt mức trung bình của cả nước và thấp xa so với vùng Đông Nam Bộ. Thu nhập bình quân 1 người/tháng năm 1999 của vùng này chỉ đạt 342 nghìn đồng so với 526 nghìn đồng vùng Đông Nam Bộ. Sự tụt hậu của ĐBSCL so với vùng Đông Nam Bộ về kinh tế và đời sống kéo dài từ nhiều năm và ngày càng rõ nét trong những năm gần đây mà nguyên nhân chủ yếu là cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm.

Vị thế hàng đầu của vùng ĐBSCL về nông sản, thủy sản hàng hóa được khẳng định và ngày càng vững chắc. Song, cho đến nay ĐBSCL vẫn chưa thoát khỏi vùng kinh tế thuần nông. Theo kết quả tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2001, do Tổng cục thống kê công bố tháng 4.2002, 80% số hộ nông thôn vẫn lấy sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản làm nghề sống chính, chỉ có 5% hộ công nghiệp, xây dựng và 8,6% hộ thương nghiệp so với 64,2%; 12,6% và 10,9% của vùng Đông Nam Bộ về 3 chỉ tiêu tương ứng.

Một số mô hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng đồng bằng sông Cửu Long

PGS.TS. NGUYỄN SINH CÚC

Theo kết quả tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2001, do Tổng cục thống kê công bố tháng 4.2002, 80% số hộ nông thôn vẫn lấy sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản làm nghề sống chính, chỉ có 5% hộ công nghiệp, xây dựng và 8,6% hộ thương nghiệp so với 64,2%; 12,6% và 10,9% của vùng Đông Nam Bộ về 3 chỉ tiêu tương ứng. Trong 2 năm 2000 và 2001, giá lúa gạo, trái cây và thủy sản giảm, thị trường trong nước và thế giới biến động theo chiều hướng cung vượt

Nhận thức được thực tế đó, những năm qua được sự đầu tư và hỗ trợ của Trung ương, các địa phương trong vùng đã có nhiều chủ trương và giải pháp tích cực nhằm tạo tiền đề thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) và bước đầu đã đạt được một số kết quả. Những lợi thế so sánh của các ngành, các vùng, các thành phần kinh tế, các địa phương bước đầu được phát huy. Đặc biệt tỷ trọng các ngành kinh tế trong GDP của vùng đã có những

thay đổi đáng kể: nông, lâm, thủy sản đã giảm từ 64% năm 1995 xuống 55% năm 2001, công nghiệp, xây dựng từ 12% lên 18% và dịch vụ từ 24% lên 27% trong thời gian tương ứng. Cơ cấu kinh tế trong nội bộ từng nhóm ngành cũng chuyển dịch theo hướng đa dạng hóa gắn với cơ chế thị trường. Tỷ trọng nông nghiệp, nhất là trồng trọt giảm, tỷ trọng thủy sản, nhất là thủy sản nuôi trồng tăng nhanh. Trong trồng trọt, tỷ trọng nhóm cây lương thực giảm, tỷ trọng nhóm cây ăn quả và cây công nghiệp tăng nhanh.

Trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa vùng ĐBSCL những năm qua đã xuất hiện một số mô hình mới.

Mô hình đa dạng hóa nông nghiệp

Trước đổi mới, kinh tế An Giang chủ yếu là nông nghiệp. Ngành nông nghiệp chiếm tỷ trọng 78% GDP của tỉnh, nhưng tốc độ tăng trưởng chậm từ 2,2% đến 2,8%/năm. Do nông nghiệp độc canh lúa nên cây lúa chiếm 80% giá trị tổng sản lượng nông nghiệp. Trong 15 năm đổi mới, nhất là thời kỳ 1996 - 2000 An Giang đã có bước

chuyển mới trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng đa dạng hóa; phát triển mạnh chăn nuôi, thủy sản, công nghiệp và dịch vụ đi đôi với thâm canh lúa, màu, cây công nghiệp, cây ăn quả.

Nét mới trong tăng vụ những năm qua của An Giang là chú trọng chuyển dịch cơ cấu trong nông nghiệp bằng cách tăng nhanh diện tích cây công nghiệp, cây rau đậu có giá trị kinh tế cao và có thị trường tiêu thụ như bắp lai, đậu đỗ, bông vải, chuối sẩy khô, đậu xuất khẩu, mía giống mới, đậu mè (vừng). Việc chuyển một bộ phận diện tích lúa sang trồng màu và cây công nghiệp, cây rau, đậu đã đem lại hiệu quả kinh tế rõ nét. Thực tế cho thấy, với mô hình 2 màu 1 lúa (nếu sản xuất 2 vụ ngô lai) thì mỗi ha đạt 23,1 triệu đồng, 2 lúa 1 màu đạt 23,7 triệu đồng. Trong khi đó nếu trồng 2 vụ lúa (đồng xuân, hè thu, thu đông) cũng chỉ đạt 21 triệu đồng/ha, còn chuyên 2 lúa chỉ đạt 18,67 triệu đồng/ha dù được đầu tư cao hơn.

Cùng với đa dạng hóa nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn An Giang cũng đã có nhiều khởi sắc. Theo hướng CNH nông thôn, An Giang tập trung vào việc đa dạng hóa ngành nghề phục vụ nông nghiệp, có qui mô vừa và nhỏ, phân bố khá đồng đều trên địa bàn tỉnh; dựa vào vốn của dân là chính. Trong năm 1996, vốn của dân đầu tư cho công nghiệp nông thôn trên 150 tỷ đồng, chiếm 61,4% tổng số vốn đầu tư cho công nghiệp. Là tỉnh nông nghiệp, sản lượng lúa hàng hóa nhiều, nên công nghiệp nông thôn An Giang tập trung vào các ngành chế biến nông sản, thủy sản xuất khẩu như cụm chế biến gạo xuất khẩu (xã Hòa An, Chợ Mới), cụm sản xuất bông gòn xuất khẩu (chợ Vàm - huyện Phú Tân), cụm se tơ tằm (thị trấn Tân Châu - huyện Tân Châu) hoặc sản xuất nông cụ, vật liệu xây dựng, cụm rèn nông cụ (xã Phú Mỹ - Phú Tân), cụm kỹ nghệ sắt (Mỹ phước - Long Xuyên), cụm sản xuất gạch ngói (An Châu - Châu Thành) v.v... có thể nói sự phục hồi và mở rộng các ngành nghề truyền thống, tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn An Giang đã mở ra hướng đi đúng về công nghiệp nông thôn đối với một tỉnh vốn độc canh cây lúa, giải quyết việc làm cho hàng vạn lao động. Đáng chú ý là các ngành nghề chế biến mắm cá, khô bò, khô cá tra phồng, trứng vịt muối,

bánh tráng, đá chẻ thủ công, cầu lông, tơ tằm sẽ ngày càng phát triển. Sản phẩm của các ngành này đã được xuất khẩu sang nhiều nước với số lượng ngày càng tăng. Năm 2000, giá trị xuất khẩu của mặt hàng tiểu thủ công nghiệp An Giang đạt gần 6 triệu USD, trong đó tơ tằm se 3,5 triệu USD, mắm và khô cá 254.580 USD v.v...

Công nghiệp nông thôn của An Giang phát triển rộng khắp các huyện, trong đó huyện Chợ Mới là điểm sáng. Toàn huyện có 15.287 cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp, thu hút 32.000 lao động, tạo ra giá trị 134 tỷ đồng, chiếm 26% tổng giá trị sản xuất của huyện. Ở đây đã hình thành một cụm công nghiệp điển hình là xã Hòa An, một trung tâm xay xát đánh bóng gạo lớn nhất vùng. Toàn xã đã có 29 nhà máy xay xát loại lớn do dân bỏ vốn xây dựng cùng 3 nhà máy khác với công suất 50 tấn thóc/ngày. Ngoài ra, xã còn có 4 nhà máy đánh bóng gạo mới được xây dựng công suất 150 tấn/ngày. Một xã có 2.955 hộ mà có tới 32 nhà máy xay, 4 nhà máy đánh bóng, 500 hộ có ghe thuyền có tải trọng từ 5 tấn trở lên, vậy mà những ngày cao điểm, máy chạy hết công suất vẫn không đáp ứng đủ nhu cầu. Lúa từ Cà Mau, Rạch Giá, Cần Thơ, Đồng Tháp theo tàu thuyền về các nhà máy xay xát, đánh bóng, sau đó gạo lại lên tàu, xuống ghe tỏa đi các thị trường trong nước và xuất khẩu. Công nghiệp và vận tải phát triển nên ở Hòa An không có thất nghiệp, thu nhập của lao động nông thôn khá cao. Giá một ngày công lao động ở Hòa An ít nhất 30 ngàn đồng, người làm giỏi lên tới 80 đến 100 ngàn đồng mà có lúc vẫn thiếu nhân công. Chỉ một nhà máy đánh bóng gạo cho công ty trách nhiệm hữu hạn Tân An đã thu hút đến 150 lao động các loại. Công nghiệp và vận tải phát triển, hàng loạt các dịch vụ và hoạt động thương mại cũng phát triển theo, cơ cấu kinh tế chuyển đổi nhanh theo hướng CNH, bộ mặt nông thôn đổi mới, đời sống nhân dân được cải thiện rõ nét, hộ đói không còn, hộ nghèo giảm nhanh và đến năm 2002 chỉ còn khoảng 2 - 3%, số hộ giàu tăng nhanh, mục tiêu xóa đói giảm nghèo được thực hiện tốt.

Tuy nhiên, công nghiệp nông thôn An Giang kể cả ở Chợ Mới hoặc điểm sáng Hòa An vẫn còn chứa đựng các yếu tố chưa ổn định, trong đó rõ nét

nhất là vốn ít, máy móc thiết bị cũ còn phổ biến, công suất thấp, kỹ thuật lạc hậu, khả năng đầu tư chiều sâu rất hạn chế. Bên cạnh đó, cơ sở hạ tầng, nhất là điện và đường bộ ở khu vực nông thôn còn có khoảng cách khá xa so với yêu cầu CNH, HĐH, trình độ dân trí còn thấp, thị trường trong và ngoài nước vẫn còn nhiều biến động, chưa có sức hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài v.v....

Mô hình phát triển công nghiệp và dịch vụ

Nằm ở vị trí trung tâm vùng ĐBSCL, Cần Thơ là một trong những tỉnh sản xuất lúa gạo hàng hóa nổi tiếng gắn với phát triển công nghiệp và dịch vụ.

Sự khởi sắc của Cần Thơ trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế rõ nét nhất là phát triển công nghiệp và dịch vụ. Trong thời kỳ 1996 - 2000, công nghiệp Cần Thơ tăng trưởng với tốc độ bình quân 15,46%/năm với cơ cấu đa ngành và đa thành phần kinh tế. Đặc biệt của công nghiệp Cần Thơ là gắn với nông nghiệp, thủy sản và lấy công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm làm hướng chính. Sự gia tăng của công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong những năm gần đây và hoạt động của khu công nghiệp Cần Thơ đã góp phần đổi mới cơ cấu sản phẩm và công nghệ, tạo cho công nghiệp Cần Thơ thế và lực mới, tăng trưởng nhanh hơn. Trong thời kỳ này tôm đồng lạnh tăng gấp đôi, xay xát gạo tăng 25%, đường gấp 2,66 lần, NPK gấp 4,2 lần, xi măng gấp 6,8 lần v.v... Tác động của công nghiệp vào nông nghiệp và kinh tế nông thôn ngày càng rõ nét. Công nghiệp nông thôn Cần Thơ chủ yếu là tiểu thủ công nghiệp với các ngành nghề chế biến lương thực, thực phẩm, gỗ, đóng ghe xuồng, tàu biển, may thêu, đan lát, dệt da... được phục hồi và mở rộng. Đến 1996, toàn vùng nông thôn Cần Thơ có 3.200 hộ, 17.000 lao động tham gia sản xuất tiểu thủ công nghiệp, tăng 1.400 hộ và 7.000 hộ lao động so 1992. Chỉ riêng các xã vùng ven thành phố Cần Thơ và huyện Châu Thành đã có hàng trăm cơ sở chế biến xay xát lúa gạo hoạt động liên tục quanh năm, thu hút hàng chục ngàn lao động vào các khâu bốc vác, vận chuyển, đóng gói, phân loại, giao dịch. Các cơ sở chế biến thủy sản Cần Thơ đã có thị trường ổn định, năm 1996 đạt

giá trị xuất khẩu trên 30 triệu USD, chiếm 25% tổng giá trị xuất khẩu toàn tỉnh.

Các hoạt động dịch vụ ở nông thôn, đặc biệt là các dịch vụ làm đất, bảo vệ thực vật, thú y, bơm nước, vận chuyển, cung ứng vật tư, thu gom sản phẩm, tín dụng... phát triển mạnh và rộng khắp đến tận xã ấp, hộ nông dân đã tạo ra những tiền đề để chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tích cực: nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống nhân dân, tỷ trọng nông nghiệp giảm từ trên 60% năm 1991 xuống 53,8% năm 1995, tỷ trọng công nghiệp từ 13% lên 17,5%, và dịch vụ từ 27% lên 28,7%; tỷ trọng hộ nông nghiệp trong nông thôn từ 80% xuống 75% thời gian tương ứng, thu nhập và đời sống nông dân được cải thiện.

Song cũng như An Giang, quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn của Cần Thơ cũng còn nhiều mặt hạn chế, khó khăn và yếu kém. Đó là sự phát triển không đều về kinh tế xã hội giữa các vùng. Cơ sở hạ tầng yếu kém, trình độ dân trí thấp, đời sống nông dân vùng sâu còn khó khăn. Công nghiệp và dịch vụ nông thôn tuy có phát triển nhưng thiếu định hướng qui hoạch, còn mang nặng tính tự phát. Máy móc, thiết bị chưa đồng bộ, công nghệ lạc hậu nên chất lượng sản phẩm của công nghiệp nông thôn chưa đủ sức cạnh tranh trên thị trường. Mức độ đầu tư vốn, khoa học và công nghệ cho công nghiệp và dịch vụ nông thôn chưa tương xứng với tiềm lực và yêu cầu của một tỉnh nông nghiệp trọng điểm và là trung tâm kinh tế của vùng ĐBSCL trong thời kỳ đổi mới và mở cửa. Cán bộ khoa học kỹ thuật và quản lý có trình độ cao làm việc trực tiếp trên địa bàn nông thôn vừa ít, vừa không đồng bộ, mặc dù Cần Thơ có trường Đại học Cần Thơ, Viện lúa ĐBSCL, Nông trường quốc doanh Sông Hậu là những trung tâm lớn đào tạo, nghiên cứu và thí nghiệm khoa học kỹ thuật nông nghiệp.

Mô hình gắn công nghiệp và dịch vụ với nông nghiệp hàng hóa

Nông trường Sông Hậu vừa trồng lúa, vừa chế biến lúa gạo vừa làm chức năng xuất nhập khẩu tổng hợp, trong đó được Chính phủ cho phép xuất khẩu gạo trực tiếp với nước ngoài. Mô hình kinh doanh tổng hợp của nông trường đã và đang tạo ra những tiền đề và

điều kiện để phát triển công nghiệp chế biến nông sản phục vụ xuất khẩu, hình thành chu trình khép kín sản xuất lúa chế biến đánh bóng gạo xuất khẩu gạo nhập vật tư nông nghiệp sản xuất lúa hàng hóa và lúa giống. Đó là mô hình có một không hai của các doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp, một mô hình liên kết nông công thương trên một địa bàn nông thôn. Hiện nay nông trường đã có hệ thống kho chứa lúa với sức chứa 77.000 tấn, 8 nhà máy xay xát lúa công suất 350 tấn/ngày, hệ thống lau bóng gạo công suất 1.500 tấn/ngày, năng lực chế biến gạo xuất khẩu 30.000 tấn/tháng; một nhà máy sấy lúa lớn, 42 lò sấy lúa thủ công với tổng công suất 900 tấn/ngày. Nông trường có nhà máy nhiệt điện công suất 600 KVA để chủ động nguồn năng lực cho sản xuất công nghiệp. Trong năm 1997 nông trường đã đầu tư 11 tỷ đồng để tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho chế biến gạo xuất khẩu và lắp đặt một dây chuyền đóng đồ hộp tự động hóa. Công nghệ tự động hóa được áp dụng vào công nghiệp chế biến nông sản tại nơi sản xuất là nét đặc sắc về CNH, HĐH nông nghiệp của nông trường Sông Hậu. Đây cũng là điểm riêng của hình này. Ngoài sản phẩm chính là lúa gạo xuất khẩu, hiện nay nông trường còn có mặt hàng chế biến khác lấy nguyên liệu ngoài tỉnh như muối, sấy, đóng lọ, đóng hộp rau, quả với 6 phân xưởng sản xuất. Nông trường còn hợp tác với các cơ quan nghiên cứu khoa học để đưa nhanh tiến bộ sinh học vào sản xuất nông nghiệp như phân vi sinh, lai tạo giống lúa mới, sản xuất rau sạch, tận dụng đất ven bờ trồng rau, màu, các loại dưa, đậu, gừng, làm nấm rơm xuất khẩu... nông trường sông Hậu là một mô hình tốt về CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn vùng ĐBSCL đã và đang góp phần tích cực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế Cần Thơ và vùng.

Những tồn tại chủ yếu

Tồn tại và khó khăn trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế của vùng ĐBSCL hiện nay là tốc độ chuyển dịch chậm và không đều giữa các địa phương. Tính chung toàn vùng trung bình một năm chỉ giảm được 1% tỷ trọng khu vực nông nghiệp và tăng 1% khu vực phi nông nghiệp trong GDP. Nhược điểm đó tồn tại ở hầu hết các tỉnh trong

vùng, nhất là những tỉnh, những huyện vùng sâu, vùng xa, giao thông không thuận lợi như Trà Vinh, Bến Tre, Cà Mau, các huyện thuộc vùng Đồng Tháp Mười, tứ giác Long Xuyên, tây Sông Hậu... Ngay cả những địa phương có điều kiện cơ sở hạ tầng, nhất là giao thông, điện... thuận lợi, xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm và không vững chắc vẫn tồn tại. Tỉnh Cần Thơ, cơ cấu GDP theo 3 khu vực: nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ năm 2000 là 41,45%; 24,73% và 33,82% so với 42,95%; 20,46% và 36,59% năm 1996. Tỉnh Tiền Giang có thành phố Mỹ Tho, trung tâm công nghiệp và dịch vụ lớn, giao thông thuận lợi, cách TP.HCM 90km nhưng cơ cấu GDP năm 2001 vẫn nặng nề về nông nghiệp 55,2%; công nghiệp rất nhỏ bé 14,4% và dịch vụ 30,4%. Tốc độ chuyển dịch rất chậm, tỷ trọng 3 ngành tương ứng năm 1995 là 64,2%; 12,8% và 23,0%.

Trong nội bộ khu vực I, việc chuyển dịch cơ cấu từ lúa sang nuôi trồng thủy sản ở vùng bán đảo Cà Mau (Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng) tuy khá nhanh, nhất là trong 2 năm 2000 và 2001; nhưng có nhược điểm lớn là tự phát, không vững chắc và không ổn định. Tình hình tương tự cũng diễn ra ở những vùng lên liếp chuyển từ đất lúa sang trồng cây ăn trái (Tiền Giang, Vĩnh Long, Cần Thơ, Đồng Tháp). Nguyên nhân của những tồn tại trên có nhiều song trước hết là do:

Thứ nhất, quy hoạch và kế hoạch tổng thể toàn vùng chưa đồng bộ, trong đó thiếu quy hoạch ngành kinh tế, vùng kinh tế chủ yếu.

Thứ hai, cơ sở hạ tầng yếu kém, nhất là khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Đến năm 2002, toàn vùng còn 268 xã (22%) chưa có đường ô tô đến trung tâm xã (riêng Cà Mau là 71%, Sóc Trăng 42%, Bạc Liêu 36%), 18% số thôn và 36% số hộ nông thôn chưa có điện lưới quốc gia, 50% số xã chưa có điểm bưu điện văn hóa xã.

Thứ ba, trình độ dân trí và trình độ nghề nghiệp của dân cư còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất hàng hóa theo cơ chế thị trường, nhất là các ngành công nghiệp và dịch vụ.

Thứ tư, cơ cấu đầu tư chưa phù hợp với yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế ■